

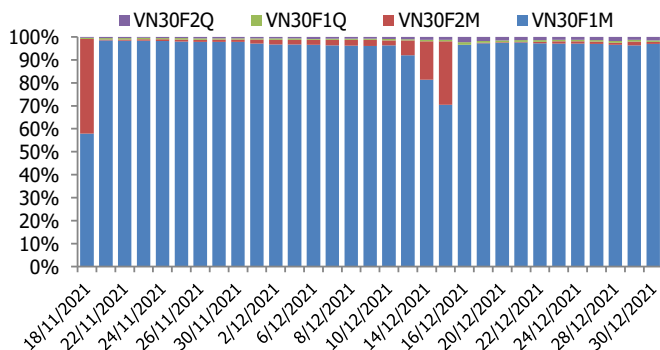
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2201 | 20/1/2022 | 21 | 1525.50 | 30,769 |
| VN30F2203 | 17/3/2022 | 77 | 1524.20 | 275 |
| VN30F2203 | 17/3/2022 | 77 | 1526.70 | 202 |
| VN30F2206 | 16/6/2022 | 168 | 1526.00 | 488 |

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 4,2 đến 9,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,68 điểm. Basis của 2 kỳ hạn tiếp tục mạnh lên so với phiên liền trước cho thấy tâm lý lạc quan trong ngắn hạn. Cụ thể, basis của VN30F2201 tăng lên +5,88 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2202 cũng tăng lên +4,58 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 1,49% so với phiên liền trước, đạt 100.393 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại bán ròng HĐTL tháng 01 với 139 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 2.788 hợp đồng.
- Điểm nhấn trong phiên giao dịch hôm nay đến từ sự lệch pha, một phía là lực bán mạnh ở nhóm cổ phiếu nóng gần đây là dòng bất động sản, xây dựng, trong khi ngược lại là đà tăng ấn tượng ở nhóm cổ phiếu chứng khoán. Thị trường hiện tại đang trở lại với xu hướng đi ngang ở dưới ngưỡng kháng cự tâm lý 1500 điểm của VN-Index, các mã lớn thay nhau giữ nhịp thị trường, và hôm nay là nhóm chứng khoán khiến chỉ số không giảm sâu. Trong xu hướng hiện tại, để có một nhịp vượt đỉnh và tạo xu thế mới cần có sự đồng thuận của nhóm mã lớn, đặc biệt là ngân hàng, Vingroup.
- Hiện tại, các chỉ số đang trong quá trình kiểm chứng vùng kháng cự mạnh nên thị trường sẽ có những phản ứng nhất định quanh vùng giá kháng cự quan trọng, điều này mở ra cơ hội giao dịch phái sinh. Dự kiến tình trạng rung lắc sẽ còn kéo dài trong những phiên sắp tới. Do đó, chiến lược giao dịch trong phiên tới vẫn là bám theo đà tăng, canh mua với các nhịp vồng xuống của thị trường. Do đó, nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cần nhắc là 1519-1522 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1512 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1533-1538 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

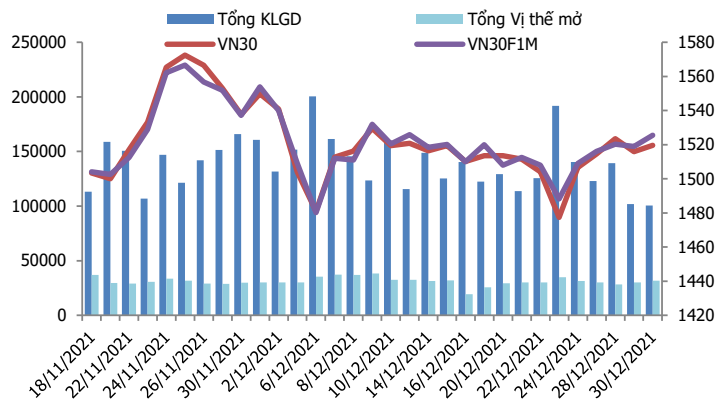
Nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading, tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh về hỗ trợ sẽ là cơ hội để mở lệnh Mua. Vùng giá cần nhắc là 1515-1518 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1509 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1528-1533 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Đối với nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng tiếp tục nắm giữ vị thế Long và Stoploss nếu chỉ số xuyên qua 1512 điểm, chốt lời vùng kỳ vọng 1546-1556 điểm.

Chiến lược giao dịch spread

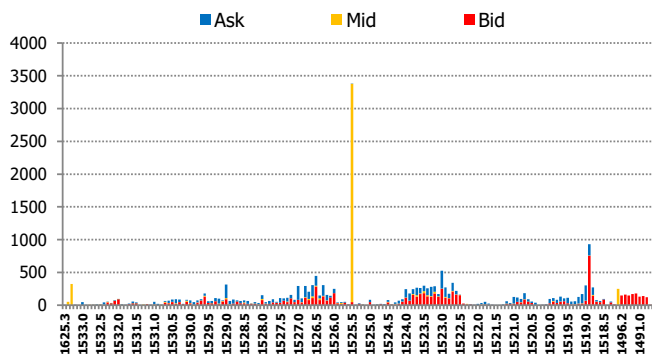
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2201 | 1525.5 | 0.43 | 100,162 | -1.4 | 30,769 | 6.0 |
| VN30F2203 | 1524.2 | 0.28 | 196 | 84.9 | 275 | -47.2 |
| VN30F2203 | 1526.7 | 0.49 | 10 | -94.1 | 202 | 0.0 |
| VN30F2206 | 1526.0 | 0.65 | 25 | 0.0 | 488 | 23.9 |
| Tổng | | | 100,393 | -1.5 | 31,734 | 5.2 |

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Thị trường chứng khoán phái sinh tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 4,2 đến 9,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,68 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 1,49% so với phiên liền trước, đạt 100.393 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 01 với 100.162 hợp đồng. Khối ngoại quay trở lại bán ròng HĐTL tháng 01 với 139 hợp đồng, lũy kế bán ròng khoảng 2.788 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2201 là 1.520,75 điểm (thấp hơn 4,75 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2202 là 1.522,26 điểm (-1,94 điểm), VN30F2203 là 1.523,77 điểm (-2,93 điểm) và VN30F2206 là 1.528,68 điểm (+2,68 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

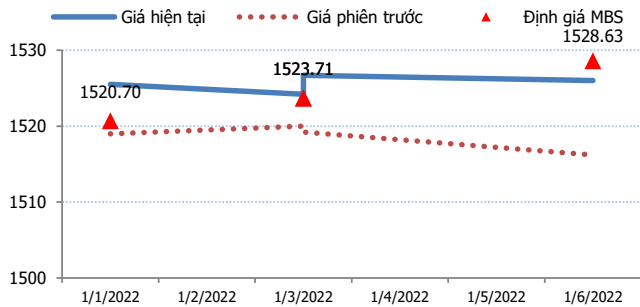
| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|------------------|------------------|------------------|
| Tổng kết | BUY | BUY | NEUTRAL |
| Hỗ trợ | 1519-1522 | 1512-1515 | 1491-1500 |
| Kháng cự | 1530-1533 | 1538-1542 | 1556-1560 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

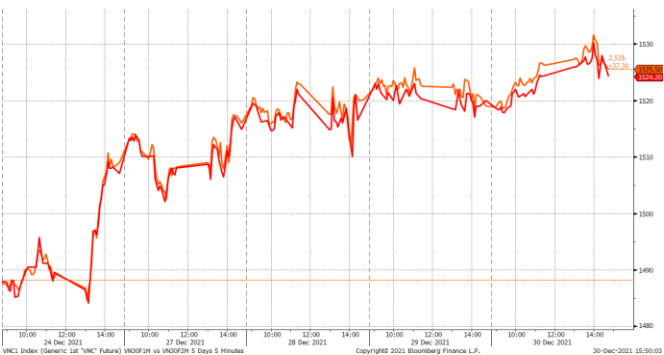


| Spread HĐTL | Hiện tại | Phiên trước | +/- | MA5 |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -1.3 | 1.00 | -2.3 | -0.94 |
| VN30F1Q - VN30F1M | 1.2 | 0.20 | 1 | -1.68 |
| VN30F1Q - VN30F2M | 2.5 | -0.80 | 3.3 | -0.74 |
| VN30F2Q - VN30F1M | 0.5 | -2.80 | 3.3 | -2.66 |
| VN30F2Q - VN30F2M | 1.8 | -3.80 | 5.6 | -1.72 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -0.7 | -3.00 | 2.3 | -0.98 |

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



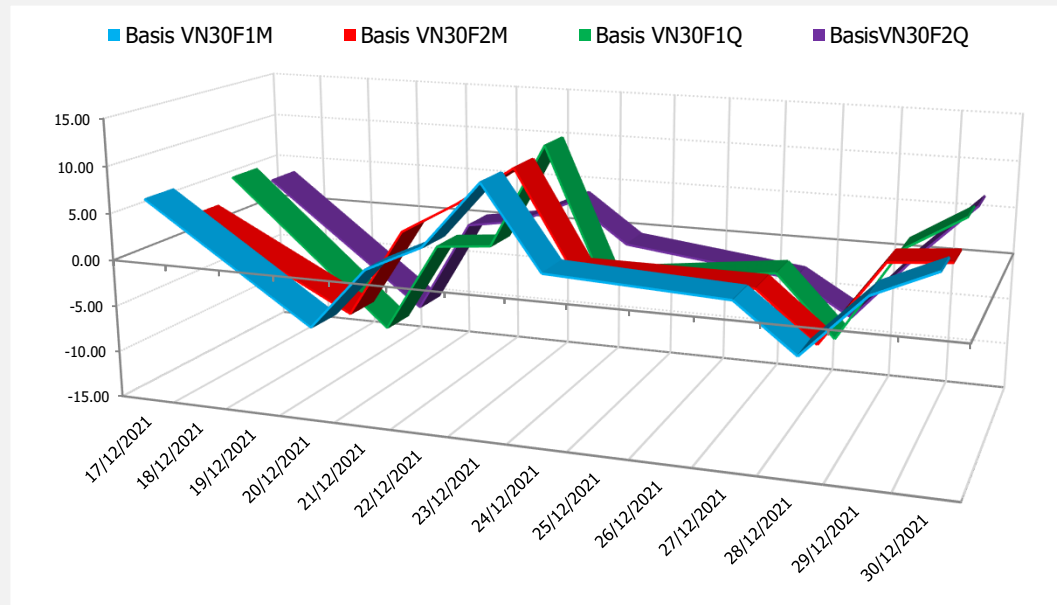
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

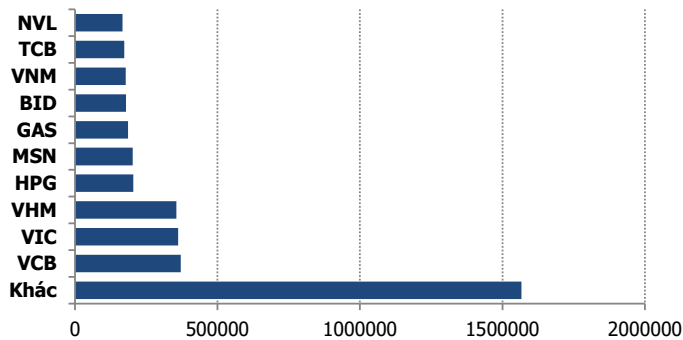
- Thị trường chứng khoán phái sinh tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, cả 4 HĐTL đóng cửa với mức tăng từ 4,2 đến 9,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 3,68 điểm. Basis của 2 kỳ hạn tiếp tục mạnh lên so với phiên liền trước cho thấy tâm lý lạc quan trong ngắn hạn. Cụ thể, basis của VN30F2201 tăng lên +5,88 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2202 cũng tăng lên +4,58 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -1,3 điểm đến 2,5 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2202-VN30F2201) giảm đi 2,3 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

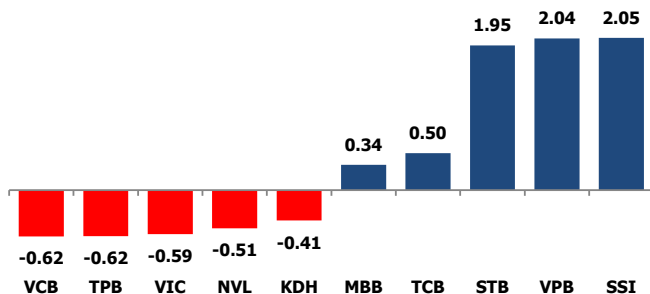


| | VNIndex | VN30 |
|------------------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1485.97 | 1519.62 |
| Thay đổi | 0.15 | 3.68 |
| %Chg | 0.01 | 0.24 |
| YTD | 34.61 | 41.92 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 5,790.15 | 3,944.01 |
| P/E | 17.33 | 14.49 |
| P/B | 2.73 | 2.91 |

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính quay trở lại đà tăng điểm. Tuy nhiên, số mã giảm điểm (14) lại áp đảo so với số mã tăng điểm (12) và 4 mã đứng tham chiếu. SSI và VPB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +2,22 điểm và +2,13 điểm; ngoài ra STB, TCB hay MBB là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 3,68 điểm (+0,24%) lên 1.519,62 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 156,84 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 7.296 tỷ đồng.

Khối ngoại quay trở lại mua ròng nhẹ với 98,89 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VHM (+31 tỷ đồng), SSI (+29 tỷ đồng), VCG (+24 tỷ đồng), VND (+23 tỷ đồng), CTD (+17 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|-------------------|-----------|--------|-------|--------|
| VNIIndex | 1,485.97 | 0.01 | 17.33 | 34.61 |
| Dow Jones | 36,398.08 | (0.25) | 20.31 | 18.92 |
| S&P500 | 4,778.73 | (0.30) | 26.26 | 27.23 |
| Nikkei 225 | 28,791.71 | (0.40) | 16.41 | 4.91 |
| Shanghai | 3,619.19 | 0.62 | 15.47 | 4.21 |
| DAX | 15,884.86 | 0.21 | 15.34 | 15.79 |
| Vàng | 1,818.53 | 0.21 | | (4.21) |
| Dầu WTI | 76.07 | (1.19) | | 56.78 |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|--|----------|---------|---------|
| Thứ Hai - 27/12/2021 | | | |
| Thứ Ba - 28/12/2021 | | | |
| Thứ Tư - 29/12/2021 | | | |
| Mỹ - Doanh số nhà chờ bán (tháng/tháng) (Tháng 11) | 7.5% | 0.5% | -2.2% |
| Mỹ - Dự trữ dầu thô | -4.715M | -3.233M | -3.576M |
| Thứ Năm - 30/12/2021 | | | |
| Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu | 206K | 208K | 198K |
| Thứ Sáu - 31/12/2021 | | | |
| Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 12) | 50.1 | 49.6 | |

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ giảm điểm trước phiên giao dịch cuối cùng của năm 2021. Kết phiên, chỉ số Dow Jones rớt 90,55 điểm (-0,3%) xuống 36.398,08 điểm. Chỉ số S&P 500 mất 0,3% còn 4.778,73 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite lùi 0,2% xuống 15.741,56 điểm. Cuối năm thường là thời gian mạnh mẽ của chứng khoán theo lịch sử, vốn được mệnh danh là hiện tượng "Santa Claus rally". Tuy nhiên, giai đoạn này có thể mang đến biến động do khối lượng giao dịch thấp.
- Giá dầu tiếp tục tăng nhẹ để nới rộng đà leo dốc, được hỗ trợ bởi dữ liệu cho thấy nhu cầu nhiên liệu tại Mỹ vẫn duy trì tốt mặc dù số ca nhiễm biến thể Omicron tăng vọt. Đóng cửa, hợp đồng dầu Brent nhích 0,11% lên 79,32 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 0,56% lên 76,99 USD/thùng.
- Giá vàng tăng, xóa sạch mức giảm trước đó nhờ lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ rút khỏi mức đỉnh 1 tháng, bù đắp áp lực từ đồng USD mạnh hơn. Khép lại phiên giao dịch, hợp đồng vàng giao ngay tiến 0,5% lên 1.813,16 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai cộng 0,5% lên 1.814,10 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 SSI, VPB và STB là những nhân tố chính kéo chỉ số VN30 tăng điểm trở lại. Trong đó, SSI đóng góp +2,22 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Tỷ trọng (%) | Giá | %Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|---|--------------|---------|-------|-------|---------|---------------|-------|------|
| TCB | Banks | 8.05 | 49,300 | 0.41 | 1.53% | 262.777 | 0.50 | 9.93 | 1.98 |
| HPG | Metals & Mining | 7.89 | 45,700 | -0.22 | 1.31% | 471.782 | -0.26 | 6.45 | 2.43 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 7.39 | 95,000 | -0.52 | 1.47% | 158.469 | -0.59 | 76.12 | 3.56 |
| VPB | Banks | 7.32 | 35,400 | 1.87 | 2.01% | 337.009 | 2.04 | 12.73 | 2.53 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 6.23 | 81,600 | -0.12 | 0.98% | 478.745 | -0.12 | 9.19 | 3.11 |
| MSN | Food Products | 5.79 | 171,500 | -0.29 | 2.25% | 877.572 | -0.26 | 84.44 | 9.41 |
| ACB | Banks | 5.57 | 33,900 | 0.30 | 1.49% | 61.55 | 0.25 | 9.42 | 2.16 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 5.16 | 93,600 | 0.00 | 0.86% | 76.053 | 0.00 | 21.07 | 5.00 |
| VNM | Food Products | 5.10 | 85,300 | 0.12 | 0.59% | 76.247 | 0.09 | 18.91 | 5.73 |
| MWG | Specialty Retail | 4.45 | 134,300 | -0.07 | 1.04% | 111.918 | -0.05 | 21.91 | 5.09 |
| MBB | Banks | 4.23 | 28,450 | 0.53 | 1.59% | 141.082 | 0.34 | 9.68 | 1.92 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 4.17 | 86,300 | -0.80 | 1.75% | 128.072 | -0.51 | 47.56 | 4.87 |
| STB | Banks | 3.91 | 30,500 | 3.39 | 4.90% | 801.584 | 1.95 | 16.31 | 1.72 |
| HDB | Banks | 3.05 | 30,600 | 0.00 | 2.47% | 116.658 | 0.00 | 10.88 | 2.21 |
| VCB | Banks | 2.92 | 78,400 | -1.38 | 2.83% | 72.469 | -0.62 | 17.56 | 3.39 |
| TPB | Banks | 2.77 | 40,750 | -1.45 | 2.10% | 132.257 | -0.62 | 12.41 | 2.60 |
| VJC | Airlines | 2.44 | 126,000 | 0.64 | 1.61% | 110.161 | 0.24 | 55.49 | 4.03 |
| SSI | Capital Markets | 2.40 | 52,600 | 5.94 | 5.39% | 859.05 | 2.05 | 24.22 | 3.82 |
| CTG | Banks | 1.74 | 33,800 | -1.02 | 1.78% | 214.33 | -0.27 | 9.80 | 1.71 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 1.62 | 30,500 | -0.16 | 2.47% | 124.716 | -0.04 | 31.98 | 2.27 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 1.56 | 52,100 | -1.70 | 3.08% | 116.377 | -0.41 | 28.07 | 3.43 |
| PDR | Capital Markets | 1.33 | 94,400 | 1.51 | 2.61% | 314.685 | 0.30 | 29.12 | 7.43 |
| PNJ | Textiles, Apparel & Luxury Goods | 1.20 | 92,500 | -0.75 | 1.62% | 56.627 | -0.14 | 21.95 | 3.78 |
| SAB | Food Products | 0.75 | 148,900 | 0.40 | 0.34% | 12.228 | 0.05 | 25.31 | 4.50 |
| GAS | Gas Utilities | 0.66 | 97,000 | 0.00 | 1.44% | 56.67 | 0.00 | 22.65 | 3.78 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Produce | 0.58 | 17,450 | -3.06 | 5.48% | 421.09 | -0.28 | 14.08 | 1.35 |
| BID | Banks | 0.51 | 35,400 | 0.57 | 1.42% | 34.971 | 0.04 | 18.18 | 2.16 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 0.49 | 54,000 | 0.00 | 1.48% | 29.86 | 0.00 | 20.38 | 2.80 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 0.42 | 37,000 | 0.27 | 1.63% | 88.373 | 0.02 | 29.73 | 3.01 |
| BVH | Beverages | 0.29 | 55,100 | -0.18 | 1.09% | 37.301 | -0.01 | 22.28 | 1.92 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | Đặc điểm sản phẩm |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | -Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | Thời gian giao dịch | GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | | GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | | GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

| | | |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | son.tranhoang@mbs.com.vn |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu | quynh.phamvan@mbs.com.vn |
| Đinh Việt Long | Chuyên viên nghiên cứu | long.dinhviet@mbs.com.vn |